

Số: 16/2024/QĐST-HNGĐ

Ninh Kiều, ngày 07 tháng 03 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213; Khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 63/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Lương Đức T, sinh năm: 1972. Địa chỉ: 01 đường Đinh Tiên Hoàng, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm: 1974. Địa chỉ: 01 đường Đinh Tiên Hoàng, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ việc dân sự yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa công dân với công dân, ông Lương Đức T và bà Nguyễn Thị Mỹ T có đơn yêu cầu việc dân sự, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; nên xác định quan hệ pháp luật: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”. Quan hệ pháp luật này thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh. Do yêu cầu và người yêu cầu có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến yêu cầu có địa chỉ cư trú tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo Điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (năm 2015).

[2] Về quan hệ hôn nhân và tính hợp pháp: Xét thấy giữa ông Lương Đức T và bà Nguyễn Thị Mỹ T tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận số 02/HT-2004 quyển số 01, ngày 29/01/2004; nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Về nội dung yêu cầu: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29 tháng 02 năm 2024 ông Lương Đức T và bà Nguyễn Thị Mỹ T tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn; về con chung; về tài sản chung, về nợ chung. Xét, việc tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa ông - bà là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, áp dụng Điều 55, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận ông Lương Đức T và bà Nguyễn Thị Mỹ T thuận tình ly hôn.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Đức T và bà Nguyễn Thị Mỹ T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Lương Đức T và bà Nguyễn Thị Mỹ T xác định có 03 con chung tên 1. Lương Bảo T (Giới tính: Nữ), sinh ngày: 26/02/1997; 2. Lương Bảo M (Giới tính: Nữ), sinh ngày: 28/12/2003; 3. Lương Bảo T (Giới tính: Nữ), sinh ngày: 14/7/2006 hai con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Không xem xét giải quyết.

Đối với con chưa trưởng thành: Thống nhất thỏa thuận. Giao một con chung tên Lương Bảo T (Giới tính: Nữ), sinh ngày: 14/7/2006 cho ông Lương Đức T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Thống nhất thỏa thuận. Bà Nguyễn Thị Mỹ T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Tiên, không ai được quyền ngăn cản bà Tiên thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ em được pháp luật bảo vệ: Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhận thấy việc nuôi con chung của người trực tiếp nuôi dưỡng con chung không tốt thì có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung (người trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền xin thay đổi mức cấp dưỡng) theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông – bà xác định không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông – bà xác định không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

- Về lệ phí việc hôn nhân sơ thẩm (Lệ phí Tòa án): Ông Lương Đức T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí việc hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000937, ngày 21/02/2024 thành lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm. Các đương sự đã nộp xong lệ phí Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều;
- UBND Phường;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lê Thiên Bảo